TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HSST
Ngày: 24 - 9 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:*** Ông Châu Mạnh Cường

*Các hội thẩm nhân dân***:** Ông Nguyễn Xuân Hiền và ông Phạm Xuân Ninh.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**:* Bà Phan Thị Mỹ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

***Đại diện VKSND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa**:* Ông Lê Minh Quyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST- HS ngày 10/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS ngày 01/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/HSST-QĐ ngày15/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Quý S, tên gọi khác: S; Sinh ngày: 02/02/1973; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn L và con bà: Hoàng Thị L. Vợ: Nguyễn Hải L; Con: có 01 con sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020, đến ngày 01/02/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Phạm Hữu S, tên gọi khác: S; Sinh ngày: 29/7/1967; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: địa chỉ: T11, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: Công nhân; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Không tôn giáo; Con ông: Phạm Hữu N và con bà: Nguyễn Thị P; Vợ: Phạm Thị C; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020, đến ngày 01/02/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Nguyễn Đức C, tên gọi khác: "D" Sinh ngày: 28/4/1987; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: T7, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Không tôn giáo; Con ông: Nguyễn Văn C và con bà: Hoàng Thị V; Vợ:

Trương Thị T; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/12/2006, bị Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi " Gây rối trật tự công cộng", đã chấp hành.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020, đến ngày 29/01/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

4. Bị cáo Hoàng S; sinh ngày: 26/6/1975; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: T 2, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Trình độ học vấn: Lớp 02/12 ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn T và con bà: Nguyễn Thị D; Vợ: Nguyễn Thị T; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020, đến ngày 29/01/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

5. Bị cáo Hoàng Tiến D; Sinh ngày: 02/5/1974; Nơi ĐKNKTT : Xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: T 9, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Không tôn giáo; Con ông: Hoàng N và con bà: Đào Thị Đ; Vợ: Trần Thị B; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân", chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn đến năm 2001 thì chấp hành xong. Năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình xử phạt 78 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án tại Trại giam Bình Điền đến năm 2009 thì chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020, đến ngày 27/01/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Nguyễn Chí T; sinh ngày: 16/01/1983; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Trình độ học vấn: Lớp 09/12 ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Chí T và con bà Nguyễn Thị D; Vợ: Lê Thị Hồng P; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020, đến ngày 29/01/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

7. Bị cáo Hoàng Xuân T; sinh ngày: 01/12/1979; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: T4, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Trình độ học vấn: Lớp 05/12 ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn T và con bà: Nguyễn Thị D; Vợ: Nguyễn Thị Thu M; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020, đến ngày 29/01/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

8. Bị cáo Phan Tư L; Sinh ngày: 08/4/1984; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4 P, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Phan Văn T và con bà: Lê Thị H. Vợ: Lê Thị Thanh B; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2020, đến ngày 27/01/2021 được Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp " Bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Công ty TNHH một thành viên Lâm công nghiệp L*;* Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Sỹ T – Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty*;* Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T – Giám đốc Chi nhánh Lâm trường T. Có mặt

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH Thương Mại tổng hợp S; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Hải L, chức vụ Giám đốc, địa chỉ: Tổ dân phố 4 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1974, nghề nghiệp: lái xe. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Anh Hồ Trọng B, sinh năm 1969, nghề nghiệp: công nhân. Nơi công tác tại: Chi nhánh Lâm trường T, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Anh Đặng Thanh N, sinh năm 1981, nghề nghiệp: công nhân. Nơi công tác tại: Chi nhánh Lâm trường T, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1978, nghề nghiệp: công nhân. Nơi công tác tại: Chi nhánh Lâm trường T, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975, nghề nghiệp: Làm ruộng. Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Vũ T, sinh năm 1983, nghề nghiệp: Làm ruộng. Địa chỉ: T2, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

** Người làm chứng:*

- Anh Cao Đăng B, địa chỉ: Xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Thái H, địa chỉ: T7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.Vắng mặt

- Anh Phạm Thanh H, địa chỉ: T 6, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Anh Võ Thuận Đ, địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 03/12/2020, Nguyễn Đức C, Hoàng S, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T vào khu vực rừng đã khai thác gỗ trái phép trước đó kéo ra được 24 (hai mươi bốn) hộp gỗ từ 02 (hai) cây Gụ lau. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Phan Tư L cùng Hoàng Tiến D lái xe ô tô BKS: 73C-098.28 vào chở gỗ đã được Nguyễn Đức Ch, Hoàng S, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T kéo ra tập kết về bãi cát sạn Công ty TNHH TMTH S thì bị Công an huyện Quảng Ninh bắt quả tang, lập biên bản thu giữ các vật chứng liên quan.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi khai thác gỗ trái phép cụ thể:

Vào ngày 26/11/2020, Nguyễn Quí S chỉ đạo cho Phạm Hữu S gọi người vào rừng thuộc tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh lâm trường Trường Sơn, huyện Quảng Ninh quản lý để khai thác gỗ trái phép. Phạm Hữu S đã gọi điện cho Hoàng S rồi Hoàng Sơn rủ Hoàng Xuân T và Nguyễn Chí T cùng đi khai thác gỗ trái phép. Đêm ngày 27/11/2020, Hoàng S, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T vào tập kết tại bãi cát sạn của Công ty TNHH TMTH S (do bà Nguyễn Hải L, sinh năm: 1976; ở TDP 4 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, làm Giám đốc, là vợ của Nguyễn Quí S) ở xã T, Quảng Ninh, Quảng Bình. Tại đây, Nguyễn Đức C đã chuẩn bị sẵn 02 (hai) máy cưa xăng, xăng và Phạm Hữu S đã chuẩn bị đồ ăn, nước uống dùng cho việc đi khai thác gỗ trái phép.

Đến khoảng 04 giờ 30 sáng ngày 28/11/2020, Phan Tư Liệu lái xe ô tô BKS: 73C-098.28 (xe của Công ty TNHH TMTH Sơn T) chở Nguyễn Đức C, Hoàng S, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T vào tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh lâm trường Trường Sơn quản lý để khai thác gỗ trái phép. Trong thời gian từ ngày 28/11/2020 đến ngày 30/11/2020, tại khoảnh 10, tiểu khu 316, Nguyễn Đức C, Hoàng S, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T đã khai thác trái phép được tổng cộng 05 (năm) cây gỗ Gụ lau rồi quay về. Ngoài các vụ nêu trên quá trình điều tra các bị can còn khai nhận

Vào đầu tháng 11/2020, Nguyễn Quí S chỉ đạo Phạm Hữu S gọi người vào khai thác gỗ trái phép. Phạm Hữu S gọi điện cho Hoàng S và Nguyễn Đức C sử dụng máy cưa xăng đã chuẩn bị sẵn vào khoảnh 2 tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh lâm trường Trường Sơn khai thác trái phép được 01 (một) cây Gụ lau, cưa được 09 (chín) hộp gỗ. Sau đó, Hoàng Tiến D lái xe ô tô BKS: 73C-098.28 vào chở gỗ đã khai thác trái phép về kho tại nhà Nguyễn Quí S ở Tổ dân phố 4 P, phường B, thành phố Đ. Nguyễn Quí S đã bán số gỗ này cho một người không quen biết được số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Số tiền bán gỗ được Nguyễn Quí S tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 04/12/2020, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định yêu cầu Giám định viên Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Bình giám định diện tích, loại rừng bị thiệt hại, trữ lượng, chủng loại nhóm gỗ bị khai thác.

Ngày 08/12/2020 và ngày 11/01/2021, Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Bình có kết luận giám định xác định: 05 (năm) cây Gụ lau mà Nguyễn Đức C, Hoàng S, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T khai thác trái phép từ ngày 28/11/2020 đến ngày

30/11/2020, tại khoảnh 10, tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh lâm trường Trường Sơn thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, là thực vật rừng thuộc nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA với tổng khối lượng gỗ là: 13,349m^3.

Ngày 11/01/2021, Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Bình có kết luận giám định xác định: 01 (một) cây Gụ lau mà Nguyễn Đức C, Hoàng S khai thác trái phép vào đầu tháng 11/2020 tại khoảnh 2, tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh lâm trường Trường Sơn thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, là thực vật rừng thuộc nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA với tổng khối lượng gỗ là: 3,473m^3.

Ngày 18/01/2021, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh, định giá thiệt hại số gỗ bị khai thác.

Ngày 22/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh kết luận giá trị thiệt hại của 07 (bảy) cây gỗ Gụ lau là: 390.180.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu một trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó thiệt hại của 06 (sáu) cây gỗ Gụ lau mà các bị cáo chặt hạ tại Tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh lâm trường Trường Sơn có giá trị thiệt hại là 336.400.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã tạm giữ:

+ 01 (một) xe ô tô BKS: 73C- 098.28; 24 (hai mươi bốn) hộp gỗ Gụ lau.(BL:48-51) (theo biên bắt quả tang).

+ Tạm giữ từ Nguyễn Quí S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 8800E, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen bạc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen;

+ 02 (hai) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL dài 120cm, bao gồm phần máy màu cam trắng dài 40cm, phần lưỡi cưa dài 80cm; 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL, chỉ có phần máy màu cam trắng dài 40cm, không có phần lưỡi.

+ Tạm giữ từ Phan Tư L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen - xanh - tím; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

+ Tạm giữ từ Phạm Hữu S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng - trắng.

+ Tạm giữ từ Hoàng Tiến D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen - tím.

+ Tạm giữ từ Nguyễn Đức C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen - bạc từ Nguyễn Đức C.

Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở và nơi làm việc của Nguyễn Quí S, cơ quan điều tra tạm giữ: Giấy tờ, sổ sách, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty TNHH TMTH S và 154 (một trăm năm mươi bốn) khúc gỗ nhiều chủng loại, kích thước.

+ 02 (hai) vật dạng hình bầu dục, mỗi vật có kích thước (8 x 6,5)cm, có lớp vỏ bên ngoài cùng được bọc bằng tấm ni lông màu vàng nhạt, có dây màu xanh quấn quanh vật (đã được niêm phong); 01 (một) vật hình trụ tròn kích thước (18 x 3,3)cm,

bên ngoài quấn dây cao su màu đen, tiếp đó được quấn bởi tấm cao su màu đỏ (đã được niêm phong).

Ngày 12/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn Đỏ Bạc, mang BKS: 73N6-8911 từ Hoàng Sơn.

Ngày 17/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh tiếp nhận 16 (mười sáu) hộp gỗ Gụ lau từ Đồn Biên phòng Làng Mô và 06 (sáu) hộp gỗ Gụ lau từ Hạt kiểm lâm huyện Quảng Ninh là tang vật của vụ án. Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Chi nhánh lâm trường Trường Sơn bảo quản.

Ngày 19/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh ra quyết định xử lý vật chứng:

Trả lại 84 (tám mươi bốn) khúc gỗ nhiều chủng loại, hình dáng, kích thước, có số hiệu đã được đánh dấu, (căn cứ Biểu mẫu 02 kèm theo Biên bản làm việc ngày 15/01/2021) và toàn bộ giấy tờ, sổ sách, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty TNHH TMTH S cho bà Nguyễn Hải L (Giám đốc công ty TNHH TMTH S). Bà L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Trả lại 02 (hai) khúc gỗ Gõ dạng hình hộp chữ nhật có cùng kích thước là dài 3,1m, rộng 01m, dày 12cm, có số hiệu đã được đánh dấu (căn cứ Biểu mẫu 02 kèm theo Biên bản làm việc ngày 15/01/2021) và Hóa đơn, hồ sơ kèm theo hóa đơn số 0000436 ngày 02/12/2020 của Công ty TNHH tổng hợp T cho anh Nguyễn Đức T (sinh năm 1974; ở TDP 5, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình) là chủ sở hữu, anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền 336.400.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) cho chủ rừng là Công ty TNHH một thành viên Lâm công nghiệp L.

Tại bản cáo trạng số 13/CT – VKS ngày 10/5/2021của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Quí S, Phạm Hữu S, Nguyễn Đức C, Hoàng S và Hoàng Tiến D về " Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Quí S từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Phạm Hữu S từ 350.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35 điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Hoàng Tiến D từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Hoàng S từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Đức C từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 35; các điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Hoàng Xuân T từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Chí T từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Phan Tư L từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự và chịu án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đại diện bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc các bị cáo liên đới nộp để bồi thường cho nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Điều tra viên Công an huyện Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Lời khai nhận tội của các bị cáo, lời trình bày của đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không gian, thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị phát hiện hoàn toàn phù hợp nhau. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Do động cơ hám lợi và ý thức coi thường pháp luật. Sau khi phát hiện một số gỗ tại tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh Lâm trường Trường Sơn, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2020, bị cáo Nguyễn Quý S

chỉ đạo Phạm Hữu S, Hoàng Tiến D, Nguyễn Đức C, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T, Hoàng S, và Phan Tư L khai thác trái phép 06 (sáu) cây gỗ Gụ lau nhóm IIA tại tiểu khu 316 thuộc lâm phần Chi nhánh lâm trường Trường Sơn. Khối lượng gỗ bị thiệt hại: 16,822m³ có trị giá 336.400.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Trong đó, bị cáo Nguyễn Quí S và Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C và Hoàng Tiến D khai thác trái phép 06 (sáu) cây có khối lượng thiệt hại là 16,822m³. Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L khai thác trái phép 05 (năm) cây có khối lượng thiệt hại là 13,349m³.

Theo các Kết luận giám định số 1298/KLGĐ-KL ngày 08/12/2020, số 26/KLGĐ-KL ngày 11/01/2021 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Bình kết luận: rừng bị khai thác là rừng tự nhiên, chức năng là rừng sản xuất. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quý S, Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C, Hoàng Tiến D, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Tất cả các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được đúng sai, lẻ ra phải biết tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên môi trường, tài nguyên quốc gia, tài sản của nhà nước, nhưng ngược lại do hám lợi và ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo đã khai thác gỗ trái phép. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên cần được duy trì và bảo vệ, thiệt hại đến tài sản của cơ quan tổ chức được nhà nước giao quyền quản lý và bảo vệ, xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế nhà nước trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sự phát triển của rừng. Thiệt hại do các bị cáo gây nên là nghiêm trọng do vậy cần phải xét xử với mức án nghiêm, mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa chung về loại tội phạm này. Vụ án với sự tham gia của nhiều người nhưng không có cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, mức độ thực hiện và gây hậu quả thiệt hại là có khác nhau. Đối với Nguyễn Quý S đã lợi dụng việc Công ty TNHHTMTH S giao quản lý, điều hành hoạt động khai thác cát sạn và vận chuyển cát, sạn và sự chủ quan, thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý bảo vệ rừng tại các trạm quản lý, bảo vệ rừng, Nguyễn Quý S đã ngụy trang số gỗ khai thác trái phép trong cát sạn trên xe ô tô tải để tập kết về tiêu thụ. Vì vậy, S là người chịu vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Phạm Hữu S là người thực hiện kế hoạch từ Nguyễn Quý S sau đó Phạm Hữu S trực tiếp gọi điện cho Hoàng S và Hoàng S rũ Hoàng Xuân T và Nguyễn Chí T cùng đi khai thác gỗ trái phép và chuẩn bị đồ ăn nước uống do đó Phạm Hữu S cũng chịu vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Đức C, Hoàng S, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T, Hoàng Tiến D và Phan Tư L tham gia tích cực vào việc khai thác vận chuyển gỗ trái phép.

Về tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo: Không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều được hưởng tình giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện nộp đủ số tiền bồi thường thiệt

hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Quí S, có bố đẻ Nguyễn Văn L được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, bị cáo có thành tích giúp đỡ nhân dân xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh trong trận lũ lụt năm 2020 được chính quyền địa phương xác nhận theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Phạm Hữu S có bố đẽ là ông Phạm Hữu N, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Hoàng S có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo có thành tích giúp đỡ nhân dân xã Lâm Trạch, huyện Bố Trạch trong trận lũ lụt năm 2020 được chính quyền địa phương xác nhận theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Hoàng Tiến D có bố đẻ là ông Hoàng N, được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, có mẹ đẻ là bà Đào Thị Đ là thương binh hạng 4/4 được Nhà nước tặng thưởng kỷ niệm chương thanh niên xung phong theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhưng bị cáo Hoàng Tiến D có nhân thân xấu: Năm 1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân", chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn đến năm 2001 thì chấp hành xong. Năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình xử phạt 78 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án tại Trại giam Bình Điền đến năm 2009 thì chấp hành xong.

- Bị cáo Hoàng Xuân T có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Chí T có bố đẻ là ông Nguyễn Chí T, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét, quyết định áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên để xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là đủ nghiêm khắc, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Trách nhiệm dân sự:

Hành vi của các bị cáo đã khai thác trái phép 6 cây gỗ gụ lau nhóm IIA, có tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại: 16,822m³. Theo kết luận tổng trị giá thiệt hại số tiền 336.400.000đ (ba trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng). Thiệt hại của

vụ án do các bị cáo Nguyễn Quý S, Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C, Hoàng Tiến D, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L gây ra nên cần buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH một thành viên Lâm công nghiệp L để nộp vào công quỹ Nhà nước, cụ thể theo phần mỗi người phải chịu như sau: Bị cáo Nguyễn Quý S, Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C, Hoàng Tiến D đã khai thác trái phép 6 cây nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 47.264.500 đồng. Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L đã khai thác trái phép 5 cây nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 33.372.500 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Quý S đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 547.264.500 đồng, bị cáo Phạm Hữu S đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 300.000.000 đồng, bị cáo Hoàng S đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 55.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đức C đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 347.264.500 đồng, bị cáo Hoàng Tiến D đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 347.264.500 đồng, bị cáo Hoàng Xuân T đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 33.372.500 đồng, bị cáo Nguyễn Chí T đã tự nguyện nộp 34.272.000 đồng bị cáo Phan Tư L đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 83.372.500 đồng. Khoản tiền này được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi thường nên các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền.

[6] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS

- 24 (hai mươi bốn) hộp gỗ Gụ lau đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh và 16 (mười sáu) hộp Gụ lau tiếp nhận từ Đồn Biên phòng Làng Mô và 06 (sáu) hộp gỗ Gụ lau tiếp nhận từ Hạt kiểm lâm huyện Quảng Ninh. Hiện đang được bảo quản tại Chi nhánh lâm trường Trường Sơn là tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen bạc và 02 (hai) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL dài 120cm, bao gồm phần máy màu cam trắng dài 40cm, phần lưỡi cưa dài 80cm đây là công cụ phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vật hình trụ tròn kích thước (18x3,3)cm, bên ngoài quấn dây cao su màu đen, tiếp đó được quấn bởi cao su màu đỏ (đã được niêm phong) vật chứng không có giá trị sử dụng.

- 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL, chỉ có phần máy màu cam trắng dài 40cm, không có phần lưỡi là tài sản của công ty TNHH TMTH S nên trả lại cho công ty TNHH TMTH Sơn Thúy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen - xanh - tím; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen của bị cáo Phan Tư L là chủ sở hữu không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng - trắng của bị cáo Phạm Hữu S là chủ sở hữu không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen – tím của bị cáo Hoàng Tiến D là chủ sở hữu không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen - bạc của bị cáo Nguyễn Đức C là chủ sở hữu không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen của bị cáo Hoàng S là chủ sở hữu không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn Đỏ Bạc, mang BKS: 73N6-8911 của chị Nguyễn Thị T là chủ sỡ hữu không biết bị cáo Hoàng S sử dụng xe trên đến việc phạm tội nên trả lại cho chị T.

[7] Trong vụ án đối với số gỗ thu giữ của Nguyễn Quí S, không có hồ sơ lâm sản hợp pháp, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cùng tài liệu liên quan đến Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Bình xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm của đơn vị chủ rừng và các cơ quan có liên quan, Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" trong một vụ án khác

[8] Về án phí*:* Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 298; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quý S, Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C, Hoàng Tiến D, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Quí S số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Hữu S số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35 điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Hoàng Tiến D số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Hoàng S số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; Điều 35; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Đức C số tiền 300.000.000 đ (Ba

trăm triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 35; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Hoàng Xuân T số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm b, i,s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Chí T số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Phan Tư L số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Nguyễn Quý S, Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C, Hoàng Tiến D, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH một thành viên Lâm công nghiệp L để nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 336.400.000đ (ba trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng). Cụ thể theo phần mỗi người phải chịu như sau: Bị cáo Nguyễn Quý S, Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C, Hoàng Tiến D đã khai thác trái phép 6 cây nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 47.264.500 đồng. Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L đã khai thác trái phép 5 cây nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 33.372.500 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh gồm:

- Bị cáo Nguyễn Quý S đã tự nguyện nộp 547.264.500đ (Năm trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001521 ngày 10/5/2021, biên lai thu tiền số 0001529 ngày 20/7/2021 và biên lai thu tiền số 0001547 ngày 24/9/2021. Nhưng trừ vào số tiền 47.264.500 đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo được nhận lại số tiền đã nộp 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

- Bị cáo Phạm Hữu S đã tự nguyện nộp 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo các biên lai thu tiền số 0001522 ngày 10/5/2021, biên lai thu tiền số 0001528 ngày 13/7/2021, biên lai thu tiền số 0001534 ngày 20/7/2021 và biên lai thu tiền số 0001542. Nhưng trừ vào số tiền 47.264.500 đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo được nhận lại số tiền đã nộp 252.735.500đ (Hai trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Hoàng S đã tự nguyện nộp 55.000.000 đ (Năm mươi lăm triệu đồng) theo các biên lai thu tiền số 0001523 ngày 10/5/2021, biên lai thu tiền số 0001536 ngày 20/7/2021. Nhưng trừ vào số tiền 47.264.500 đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo được nhận lại số tiền đã nộp 7.735.500 đ (Bảy triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn Đức C đã tự nguyện nộp 347.264.500đ (Ba trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001524 ngày 10/5/2021 và biên lai thu tiền số 0001533 ngày 20/7/2021. Nhưng trừ vào số tiền 47.264.500 đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo được nhận lại số tiền đã nộp 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Bị cáo Hoàng Tiến D đã tự nguyện nộp 347.264.500đ (Ba trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001525 ngày 10/5/2021 và biên lai thu tiền số 0001532 ngày 20/7/2021. Nhưng trừ vào số tiền 47.264.500 đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo được nhận lại số tiền đã nộp 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Bị cáo Hoàng Xuân T đã tự nguyện nộp 33.372.500đ (Ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001535 và 0001538 ngày 20/7/2021. Nhưng trừ vào số tiền 33.372.500đ đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo đã nộp đủ.

- Bị cáo Nguyễn Chí T đã tự nguyện nộp 34.272.000đ (Ba mươi tư triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0001537 và 0001539 ngày 20/7/2021 và biên lai thu tiến số 0001548 ngày 24/9/2021. Nhưng trừ vào số tiền 33.372.500đ đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo được nhận lại số tiền đã nộp 899.500đ (Tám trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Phan Tư L đã tự nguyện nộp 83.372.500đ (Tám mươi ba triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001535 và 0001538 ngày 20/7/2021. Nhưng trừ vào số tiền 33.372.500đ đồng bị cáo phải liên đới bồi thường, bị cáo được nhận lại số tiền đã nộp 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tuyên bố kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

3. *Về vật chứng vụ án*: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 24 (hai mươi bốn) hộp gỗ Gụ lau đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2021 giữa Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

+ 16 (mười sáu) hộp Gụ lau tiếp nhận từ Đồn Biên phòng Làng Mô và 06 (sáu) hộp gỗ Gụ lau tiếp nhận từ Hạt kiểm lâm huyện Quảng Ninh, đang được bảo quản tại Chi nhánh Lâm trường Trường Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh và Chi nhánh lâm trường Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen bạc

+ 02 (hai) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL dài 120cm, bao gồm phần máy màu cam trắng dài 40cm, phần lưỡi cưa dài 80cm.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vật hình trụ tròn kích thước (18x3,3)cm, bên ngoài quấn dây cao su màu đen, tiếp đó được quấn bởi cao su màu đỏ (đã được niêm phong).

- Trả lại cho công ty TNHH TMTH S, địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL, chỉ có phần máy màu cam trắng dài 40cm, không có phần lưỡi.

- Trả cho bị cáo Phan Tư L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen - xanh - tím; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

- Trả cho bị cáo Phạm Hữu S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng - trắng.

- Trả cho bị cáo Hoàng Tiến D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen – tím .

+ Trả cho bị cáo Nguyễn Đức C: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen - bạc.

- Trả cho bị cáo Hoàng S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

- Trả cho chị Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn Đỏ Bạc, mang BKS: 73N6-8911.

Vật chứng nêu trên có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

4.Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Quý S, Phạm Hữu S, Hoàng S, Nguyễn Đức C, Hoàng Tiến D, Hoàng Xuân T, Nguyễn Chí T và Phan Tư L mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú ;
- Bị cáo; Bị hại và NCQLNVLQVA;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường